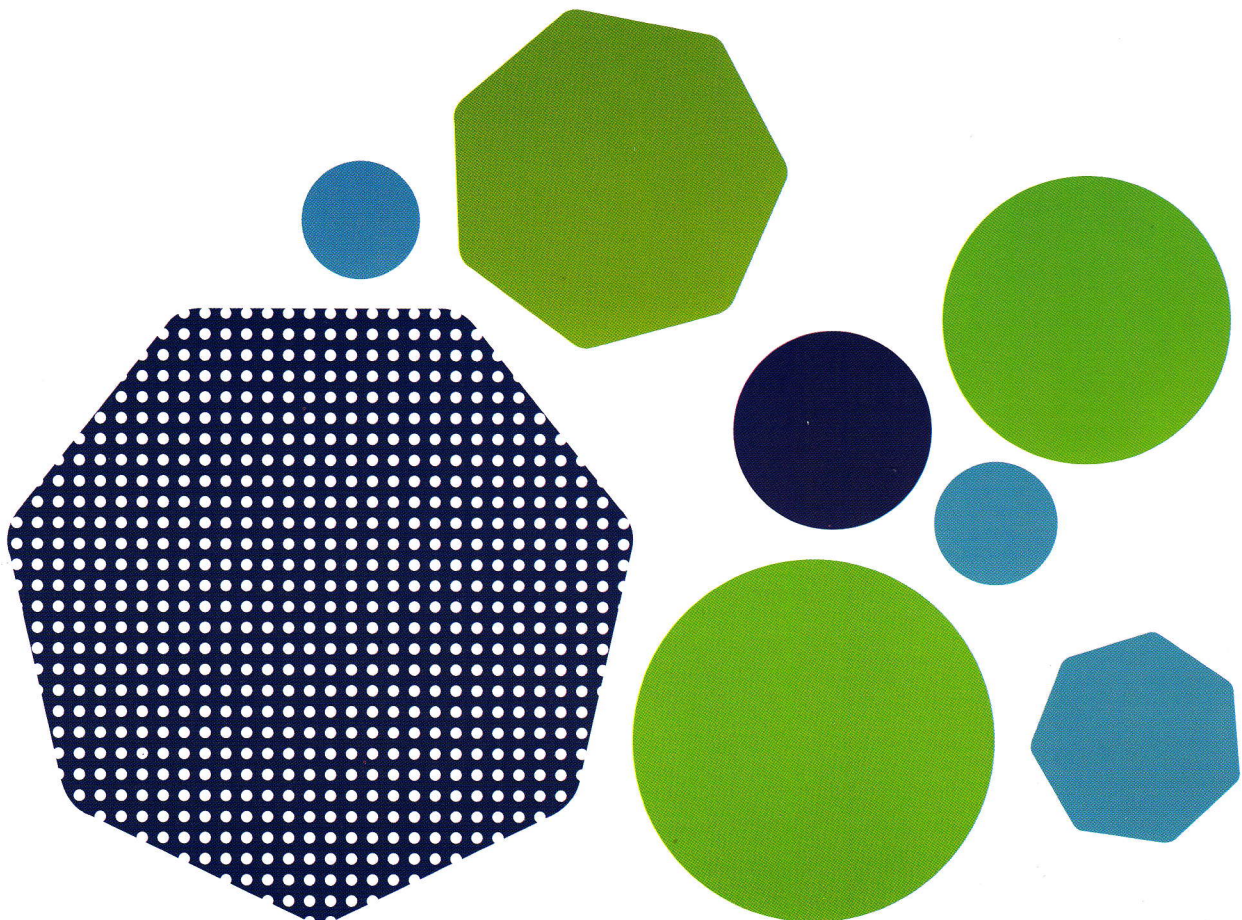


**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**

---

*Tháng 08 năm 2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HĐQT	từ ngày 29/06/2018
Bà Hoàng Thị Hoài	Chủ tịch HĐQT	đến ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên HĐQT	
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	
Bà Nhữ Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT	

##### **Ban Giám đốc điều hành:**

Ông Trịnh Tiến Khương	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

##### **Ban Kiểm soát:**

Bà Trịnh Thị Liên	Trưởng ban Kiểm soát	từ ngày 29/06/2018
Ông Trần Đăng Khoa	Trưởng ban Kiểm soát	đến ngày 28/06/2018
Bà Đặng Thị Nụ	Thành viên	
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên	

##### **Kế toán trưởng:**

Bà Nguyễn Thị Vân	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện về cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết được trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trịnh Tiến Khương**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Số: *413* /2018/UHY - BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần PIV

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/08/2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty nhận vốn góp là Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy (Công ty liên kết), với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư là 48.000.000.000 VND, mệnh giá là 20.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn chủ sở hữu. Công ty chưa cung cấp cho kiểm toán viên kế hoạch, phương án đầu tư và dự kiến về hiệu quả kinh doanh mà khoản đầu tư này sẽ đem lại.

Chúng tôi chưa được cung cấp kế hoạch phương án ủy thác đầu tư của Công ty liên quan đến các khoản ủy thác đầu tư (tổng số tiền là 115.000.000.000 VND, chiếm 25,5% tổng tài sản của Công ty) với các cá nhân bao gồm Bà Nguyễn Thị Định (số tiền hợp tác: 41.000.000.000 VND), Bà Phạm Thị Mai Hương (số tiền hợp tác: 36.000.000.000 VND) và Bà Trịnh Huyền Trang (số tiền hợp tác: 38.000.000.000 VND). Các hợp đồng hợp tác kinh doanh này phát sinh từ năm 2017 và được tiếp tục gia hạn thêm 06 tháng trong 6 tháng đầu năm 2018 không có quy định các tài sản đảm bảo của các bên nhận tiền hợp tác hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, hai khoản phải thu khách hàng gồm Shenzhen Xinshen Co.,Ltd với số tiền là 193.475.014.936 VND (tại ngày 01/01/2018 là 210.333.432.171 VND) và Bao Hong Trade Guangxi PingXiang Co.,Ltd với số tiền là 78.396.909.562 VND (tại ngày 01/01/2018 là 74.886.411.358 VND), chiếm 53,64% tổng tài sản của Công ty. Đây là số dư bán hàng trả chậm cho khách hàng nước ngoài, dưới hình thức tín chấp, không có các tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

## **Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp)**

Chúng tôi chưa thu thập được tài liệu liên quan đến khoản "Phải thu về hàng tồn kho cho mượn", số tiền là 3.875.744.280 VND đang được phản ánh trên mục "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến từ chối, Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty đưa ra kết luận ngoại trừ. Theo đó, chúng không đánh giá được ảnh hưởng của các số liệu so sánh này đến các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018.

## **Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo thông báo số 825/TB-SGDHN ngày 31/07/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy niêm yết cổ phiếu PIV của Công ty Cổ phần PIV. Theo đó, toàn bộ cổ phiếu mã chứng khoán PIV của Công ty Cổ phần PIV bị hủy niêm yết từ ngày 30/08/2018 theo Quyết định số 486/QĐ-SGDHN ngày 31/07/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PIV cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và từ chối đưa ra ý kiến. Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty đã đưa ra kết luận ngoại trừ.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>425.369.221.777</b>	<b>458.583.693.293</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	508.826.881	273.756.371
Tiền	111		508.826.881	273.756.371
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.042.290.228	451.606.387.875
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	288.689.760.388	313.802.753.066
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	15.894.898.129	20.822.148.129
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	119.083.706.355	119.161.902.080
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.645.665.395)	(2.200.006.151)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		19.590.751	19.590.751
Hàng tồn kho	140		6.465.133.682	6.448.542.727
Hàng tồn kho	141	8	6.465.133.682	6.448.542.727
Tài sản ngắn hạn khác	150		352.970.986	255.006.320
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	255.006.320	255.006.320
Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.964.666	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.086.330.020</b>	<b>52.838.466.030</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		187.724.250	187.724.250
Phải thu dài hạn khác	216		187.724.250	187.724.250
Tài sản cố định	220		3.357.381.007	3.779.725.903
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.357.381.007	3.779.725.903
- Nguyên giá	222		5.672.635.204	5.672.635.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.315.254.197)	(1.892.909.301)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.284.600)	(31.284.600)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	48.000.000.000	48.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		48.000.000.000	48.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		541.224.763	871.015.877
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	541.224.763	871.015.877
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>477.455.551.797</b>	<b>511.422.159.323</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>294.534.046.812</b>	<b>328.654.857.032</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>294.534.046.812</b>	<b>328.654.857.032</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	248.247.938.885	247.404.509.148
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	544.838.896	6.059.182.896
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.340.436.302	6.016.653.395
Phải trả người lao động	314		91.695.980	172.486.033
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	87.315.101	92.526.160
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	38.176.183.910	68.863.861.662
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>182.921.504.985</b>	<b>182.767.302.291</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>182.921.504.985</b>	<b>182.767.302.291</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.249.420.000	173.249.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(261.600.000)	(261.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		443.972.144	443.972.144
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.157.200	35.157.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.454.555.641	9.300.352.947
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.300.352.947	4.223.203.505
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		154.202.694	5.077.149.442
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>477.455.551.797</b>	<b>511.422.159.323</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trịnh Tiến Khương

Nguyễn Thị Vân

Nguyễn Thị Phương Thúy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết số minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	10.012.508.803	274.741.552.498
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.012.508.803	274.741.552.498
Giá vốn hàng bán	11	20	8.898.852.781	272.444.821.064
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.113.656.022	2.296.731.434
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	12.466.218.891	5.128.420.874
Chi phí tài chính	22	22	5.643.890.079	1.659.414.225
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		966.919.978	515.094.517
Chi phí bán hàng	25		-	13.636.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.182.776.752	2.885.643.022
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.753.208.082	2.866.458.697
Chi phí khác	32	24	483.392.962	150.009.176
Lợi nhuận khác	40		(483.392.962)	(150.009.176)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.269.815.120	2.716.449.521
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.115.612.426	546.457.806
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		154.202.694	2.169.991.715
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		9	133

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trịnh Tiên Khương

Nguyễn Thị Vân


Nguyễn Thị Phương Thúy


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		42.628.811.736	78.656.240.410
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(9.492.510.073)	(125.683.702.774)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(773.486.793)	(944.951.096)
Tiền lãi vay đã trả	4		(966.919.978)	(515.094.517)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(204.827.788)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		158.000.000	24.890.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(631.976.955)	(65.831.638)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>30.921.917.937</b>	<b>(48.733.277.403)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		627.967	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>627.967</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		-	7.412.500.000
Tiền thu từ đi vay	33		38.000.000.000	49.599.556.630
Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.687.677.752)	(9.982.085.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.687.677.752)</b>	<b>47.029.971.630</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>234.868.152</b>	<b>(1.703.305.773)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	273.756.371	2.087.242.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		202.358	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>508.826.881</b>	<b>383.936.354</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

**Tổng Giám đốc**  
  
  
**Trịnh Tiên Khương**

**Kế toán trưởng**  
  
**Nguyễn Thị Vân**

**Người lập biểu**  
  
**Nguyễn Thị Phương Thúy**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần PIV (đổi tên từ Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ tài sản Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam), tên viết tắt là PIV., JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103022270 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0102636059) lần đầu ngày 29/01/2008, thay đổi lần thứ 21 ngày 10/10/2017.

Công ty Cổ phần PIV có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại tầng 9, tòa nhà Trung Tín, 108 đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 173.249.420.000 đồng.

Từ ngày 18/08/2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PIV được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PIV.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Ngô Tiến Cường.

#### **1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Cung cấp vật liệu, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng, kinh doanh các thiết bị y tế; *(ngành chính)*
- Dịch vụ thẩm định giá;
- Dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây: mô giới, tư vấn, đấu giá, quảng cáo BĐS, quản lý BĐS, đấu giá tài sản;
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế);
- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim);
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình, lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình;
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;

## **1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Bán buôn tổng hợp: hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Vận tải đường bộ và vận tải đường ống;
- Dịch vụ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;
- Xây lắp các công trình chuyên ngành buro chính, viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, vật liệu xây dựng, thang máy;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện).

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2.2 KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### **3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ các Công ty phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng xuất khẩu được ghi nhận khi Công ty hoàn thành thủ tục hải quan về kê khai xuất khẩu hàng hóa và hàng thực xuất khỏi cảng Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.10 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng  
 Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn  
 từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.12 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	433.419.357	169.975.560
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.407.524	103.780.811
	<b>508.826.881</b>	<b>273.756.371</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>288.689.760.388</b>	<b>5.645.665.395</b>	<b>313.802.753.066</b>	<b>2.200.006.151</b>
- Shenzhen Xinshen Co.,Ltd (*)	193.475.014.936	-	210.333.432.171	-
- Bao Hong Trade Guangxi PingXiang Co.,Ltd (*)	78.396.909.562	-	74.886.411.358	-
- Công ty TNHH Thương mại Tháo Hiền	17.354.493	-	361.527.141	-
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	3.271.463.289	-	10.801.463.289	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng D&T Việt Nam	8.888.361.665	5.036.055.229	8.888.361.665	1.782.452.690
- Công ty CP Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	609.610.166	1.219.220.331	417.553.461
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.421.436.112	-	7.312.337.111	-
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>3.271.463.289</b>	<b>-</b>	<b>10.801.463.289</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	3.271.463.289	-	10.801.463.289	-

(\*) Theo hợp đồng mua bán ký kết giữa Công ty và khách hàng, khách hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Công ty trong vòng 12 tháng kể từ ngày khách hàng nhận được đủ bộ chứng từ nhập khẩu. Trong trường hợp khách hàng không thanh toán ngay cho Công ty kể từ ngày giao hàng thì khách hàng sẽ phải trả cho Công ty phần lãi mua hàng trả chậm với lãi suất là 0,6%/tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>15.894.898.129</b>	-	<b>20.822.148.129</b>	-
- Công ty CP DV Đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	-	400.000.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	5.334.072.366	-	5.334.072.366	-
- Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	3.513.444.424	-	2.223.994.424	-
- Công ty TNHH Lâm Nam	1.842.633.754	-	3.242.633.754	-
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	3.881.397.585	-	3.881.397.585	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	-	-	161.500.000	-
- Công ty Cổ phần TM và Xây dựng Trần Nguyên	531.300.000	-	5.510.000.000	-
- Công ty cổ phần Vialife	324.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	68.050.000	-	68.550.000	-
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>3.881.397.585</b>	-	<b>4.042.897.585</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	-	-	161.500.000	-
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	3.881.397.585	-	3.881.397.585	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>119.083.706.355</b>	-	<b>119.161.902.080</b>	-
- Bà Trịnh Huyền Trang - phải thu về ủy thác đầu tư (1)	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Định - phải thu về ủy thác đầu tư (2)	41.000.000.000	-	41.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Mai Hương - phải thu về ủy thác đầu tư (3)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
- Phải thu về hàng tồn kho cho mượn	3.875.744.280	-	3.875.744.280	-
- Ký quỹ, ký cược	207.962.075	-	286.157.800	-
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	-

(1) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho Bà Trịnh Huyền Trang theo hợp đồng số 01/2017-UTĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/06/2018. Thời hạn ủy thác: 06 tháng. Thời gian tính lợi nhuận ủy thác khi bà Trịnh Thị Huyền Trang bắt đầu có hoạt động đầu tư. Trên hợp đồng không có quy định về tài sản đảm bảo.

(2) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho Bà Nguyễn Thị Định theo hợp đồng số 02/2017-UTĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 25/06/2018. Thời hạn ủy thác: 06 tháng. Thời gian tính lợi nhuận ủy thác khi bà Nguyễn Thị Định bắt đầu có hoạt động đầu tư. Trên hợp đồng không có quy định về tài sản đảm bảo.

(3) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho Bà Phạm Thị Mai Hương theo hợp đồng số 03/2017-UTĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/06/2018. Thời hạn ủy thác: 06 tháng. Thời gian tính lợi nhuận ủy thác khi bà Phạm Thị Mai Hương bắt đầu có hoạt động đầu tư. Trên hợp đồng không có quy định về tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.639.318	-	79.639.318	-
- Hàng hóa	6.385.494.364	-	6.368.903.409	-
	<b>6.465.133.682</b>	-	<b>6.448.542.727</b>	-

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>48.000.000.000</b>	-	<b>48.000.000.000</b>	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy (*)</i>	<i>48.000.000.000</i>	-	<i>48.000.000.000</i>	-
	<b>48.000.000.000</b>	-	<b>48.000.000.000</b>	-

(\*) Năm 2016, Công ty đã mua 2.000.000 cổ phiếu (tương đương 20% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy, mệnh giá 20.000.000.000 VND, giá mua là 48.000.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>255.006.320</b>	<b>255.006.320</b>
- Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ	255.006.320	255.006.320
<b>Dài hạn</b>	<b>541.224.763</b>	<b>871.015.877</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	541.224.763	871.015.877
	<b><u>796.231.083</u></b>	<b><u>1.126.022.197</u></b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2018	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
- Mua trong năm	-	-	-	-
30/06/2018	<b><u>3.636.363.636</u></b>	<b><u>1.672.363.636</u></b>	<b><u>363.907.932</u></b>	<b><u>5.672.635.204</u></b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2018	1.212.121.229	517.636.342	163.151.730	1.892.909.301
- Khấu hao trong kỳ	259.740.264	119.454.540	43.150.092	422.344.896
30/06/2018	<b><u>1.471.861.493</u></b>	<b><u>637.090.882</u></b>	<b><u>206.301.822</u></b>	<b><u>2.315.254.197</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2018	<b><u>2.424.242.407</u></b>	<b><u>1.154.727.294</u></b>	<b><u>200.756.202</u></b>	<b><u>3.779.725.903</u></b>
30/06/2018	<b><u>2.164.502.143</u></b>	<b><u>1.035.272.754</u></b>	<b><u>157.606.110</u></b>	<b><u>3.357.381.007</u></b>

Tại ngày 30/06/2018: Nguyên giá TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 73.280.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2018	31.284.600	31.284.600
30/06/2018	<u>31.284.600</u>	<u>31.284.600</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2018	31.284.600	31.284.600
- Khấu hao trong kỳ	-	-
30/06/2018	<u>31.284.600</u>	<u>31.284.600</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2018	-	-
30/06/2018	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30/06/2018: Nguyên giá TSCĐVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.284.600 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>248.247.938.885</b>	<b>248.247.938.885</b>	<b>247.404.509.148</b>	<b>247.404.509.148</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ	3.235.144.000	3.235.144.000	3.235.144.000	3.235.144.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ số 9	231.872.400	231.872.400	231.872.400	231.872.400
- Công ty Cổ phần TM và Xây dựng Trần Nguyên	531.300.000	531.300.000	-	-
- HK Hua Dian Technology Limited (*)	73.700.148.589	73.700.148.589	72.347.596.467	72.347.596.467
- Hong Kong Victory Co (*)	170.277.327.077	170.277.327.077	167.254.454.235	167.254.454.235
- Công ty CP thương mại và dịch vụ Kim Diệp	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
- Các đối tượng khác	272.146.819	272.146.819	1.635.442.046	1.635.442.046
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>248.247.938.885</b>	<b>248.247.938.885</b>	<b>247.404.509.148</b>	<b>247.404.509.148</b>

(\*) Theo các hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Nhà cung cấp, Công ty có nghĩa vụ thanh toán bộ hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận được đầy đủ bộ chứng từ nhập khẩu. Quá thời hạn trên sẽ phải thanh toán lãi trả chậm tiền hàng với lãi suất bằng 2,5%/năm sau 30 ngày kể từ ngày nhập hàng.

**14. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.514.344.000</b>
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Diệp	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
- Công ty CP Đầu tư DV Vui chơi Giải trí Thể thao HN	394.838.896	394.838.896	394.838.896	394.838.896
- Các khoản khác	<b>544.838.896</b>	<b>544.838.896</b>	<b>6.059.182.896</b>	<b>6.059.182.896</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	830.017.309	552.265.689	609.625.825	772.657.173
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.814.547.979	1.115.612.426	-	5.930.160.405
- Thuế thu nhập cá nhân	15.934.687	3.927.691	-	19.862.378
- Các loại thuế khác	356.153.420	264.602.926	3.000.000	617.756.346
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	<b>6.016.653.395</b>	<b>1.936.408.732</b>	<b>612.625.825</b>	<b>7.340.436.302</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.315.101</b>	<b>92.526.160</b>
- Kinh phí công đoàn	40.289.358	33.423.331
- Bảo hiểm xã hội	9.828.057	17.365.432
- Bảo hiểm y tế	1.404.737	2.142.234
- Bảo hiểm thất nghiệp	692.472	1.346.955
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.100.477	38.248.208
	<b>87.315.101</b>	<b>92.526.160</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay ngắn hạn</b>				
- Ngân hàng NN&PTNN Agribank-CN Từ Liêm(*)	38.176.183.910	38.176.183.910	38.000.000.000	68.863.861.662
- Ngân hàng TMCP An Bình-CN Hà Nội	8.176.183.910	8.176.183.910	8.000.000.000	26.818.200.540
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hà Nam	-	-	16.045.800.000	16.045.800.000
- Ông Ngô Tiến Cường (**)	-	-	25.999.861.122	25.999.861.122
	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
	<b>38.176.183.910</b>	<b>38.176.183.910</b>	<b>68.687.677.752</b>	<b>68.863.861.662</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Từ Liêm, bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3100LAV201700825 ngày 10/04/2017 với số tiền vay là 8.640.000.000 VNĐ; lãi suất 7,8%/năm; thời hạn vay 06 tháng. Mục đích vay là để thanh toán cho hợp đồng số 01/2016/HĐNT/SPA-PIV ngày 04/01/2016 với Công ty CP Dịch vụ và Định hướng phát triển Spapro và hợp đồng số 04/2015/VIA-PIV ngày 25/06/2015 với Công ty CP Vialife. Tại ngày 30/06/2018, hợp đồng vay đã hết hạn, giá trị gốc vay chưa thanh toán cho Ngân hàng Agribank là 176.183.910 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 3100LAV201800491 ngày 12/02/2018 với số tiền là 8.000.000.000 VNĐ; lãi suất cho vay là 8,1%/năm; thời hạn vay là 07 tháng. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 15102017/TBD-PIV ngày 15/10/2017 với Công ty TNHH Thiết bị Thái Bình Dương. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2017/HĐTC-PIV ngày 07/04/2017: Xe ô tô con 04 chỗ ngồi Rolls-Royce Phantom của Bà Nguyễn Thị Quyên theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066085, giá trị tài sản theo Biên bản định giá ngày 07/04/2017 là 10.500.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02-2017/HĐTC-PIV ngày 07/04/2017: 02 xe ô tô con 05 chỗ ngồi Toyota Vios của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát, giá trị tài sản theo Biên bản định giá ngày 07/04/2017 là 1.020.000.000 VNĐ.

(\*\*) Khoản vay của ông Ngô Tiến Cường theo các hợp đồng cho vay tiền ngày 15/03/2018 và ngày 28/06/2018 với số tiền vay lần lượt là 20 tỷ đồng và 10 tỷ đồng, thời hạn vay lần lượt là 09 tháng và 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất vay 0%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 9, Tòa nhà Trung Tín, 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1. BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
01/01/2017	157.499.940.000	(164.100.000)	443.972.144	35.157.200	12.652.683.505	170.467.652.849		
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	8.249.480.000	-	-	-	(8.249.480.000)	-		
- Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	7.500.000.000	(97.500.000)	-	-	-	7.402.500.000		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.077.149.442	5.077.149.442		
- Chi khác	-	-	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)		
31/12/2017	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	9.300.352.947	182.767.302.291		
01/01/2018	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	9.300.352.947	182.767.302.291		
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	154.202.694	154.202.694		
31/12/2018	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	9.454.555.641	182.921.504.985		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18.2 CỔ PHIẾU**

	30/06/2018	01/01/2018
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu	-	251.335.475.587
- Doanh thu bán hàng hóa nội địa	10.012.508.803	3.500.889.164
- Doanh thu bán thành phẩm	-	579.217.200
- Doanh thu thi công xây dựng	-	19.325.970.547
	<u>10.012.508.803</u>	<u>274.741.552.498</u>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa xuất khẩu	-	251.742.764.750
- Giá vốn của hàng hóa bán nội địa	8.898.852.781	3.863.609.160
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	675.133.347
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	18.455.128.483
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.291.814.676)
	<u>8.898.852.781</u>	<u>272.444.821.064</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	627.967	3.490.984
- Lãi tiền hàng do khách hàng trả chậm	7.854.687.423	4.874.648.010
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.610.903.501	250.281.880
	<b>12.466.218.891</b>	<b>5.128.420.874</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	966.919.978	515.094.517
- Lãi mua hàng trả chậm	2.987.379.068	1.040.566.358
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.689.591.033	103.753.350
	<b>5.643.890.079</b>	<b>1.659.414.225</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.182.776.752</b>	<b>2.885.643.022</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	803.329.967	815.829.718
- Chi phí khấu hao TSCĐ	422.344.896	55.363.422
- Thuế phí, lệ phí	8.359.033	69.872.373
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.217.585	1.944.577.509
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.445.659.244	-
- Chi phí quản lý khác	39.866.027	-
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>13.636.364</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	13.636.364

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Phạt do vi phạm hợp đồng	-	5.043.575
- Phạt chậm nộp thuế	263.392.962	144.961.131
- Chi phí khác	220.000.000	4.470
	<b>483.392.962</b>	<b>150.009.176</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	-	557.676.618
- Chi phí nhân công	803.329.967	815.829.718
- Khấu hao tài sản cố định	422.344.896	374.830.956
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.217.585	1.965.645.691
- Chi phí bằng tiền khác	8.359.033	17.793.264.407
- Chi phí quản lý khác	39.866.027	-
	<u>2.737.117.508</u>	<u>21.507.247.390</u>

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung lĩnh thương mại và chỉ phát sinh hoạt động kinh doanh trong nước nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 30/06/2018 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	508.826.881	273.756.371
Phải thu khách hàng và phải thu khác	398.439.781.318	427.076.628.965
	<u>398.948.608.199</u>	<u>427.350.385.336</u>
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	38.176.183.910	68.863.861.662
Phải trả người bán và phải trả khác	248.283.039.362	247.442.757.356
	<u>286.459.223.272</u>	<u>316.306.619.018</u>
	<u>112.489.384.927</u>	<u>111.043.766.318</u>

Tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)**Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2018</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	38.176.183.910	-	38.176.183.910
Phải trả người bán và phải trả khác	248.283.039.362	-	248.283.039.362
	<b>286.459.223.272</b>	<b>-</b>	<b>286.459.223.272</b>
<b>01/01/2018</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	68.863.861.662	-	68.863.861.662
Phải trả người bán và phải trả khác	247.442.757.356	-	247.442.757.356
	<b>316.306.619.018</b>	<b>-</b>	<b>316.306.619.018</b>

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	508.826.881	-	508.826.881
Phải thu khách hàng và phải thu khác	398.252.057.068	187.724.250	398.439.781.318
	<b>398.760.883.949</b>	<b>187.724.250</b>	<b>398.948.608.199</b>
<b>01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	273.756.371	-	273.756.371
Phải thu khách hàng và phải thu khác	426.888.904.715	187.724.250	427.076.628.965
	<b>427.162.661.086</b>	<b>187.724.250</b>	<b>427.350.385.336</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là trung bình.

**28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền thu từ đi vay		30.000.000.000	-
- Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HDQT	30.000.000.000	-
		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Thu nhập của ban Giám đốc		171.199.484	148.080.000
- Thù lao của HĐQT, Ban giám đốc		124.915.950	117.652.522
- Thù lao Ban kiểm soát		46.283.534	30.427.478

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
Trả trước cho người bán		3.881.397.585	4.042.897.585
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	Công ty liên kết	-	161.500.000
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần PIV là Giám đốc của Công ty TNHH Tiến Đại Phát	3.881.397.585	3.881.397.585
Phải thu khách hàng		3.271.463.289	10.801.463.289
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần PIV là Giám đốc của Công ty TNHH Tiến Đại Phát	3.271.463.289	10.801.463.289
Vay và nợ thuê tài chính		30.000.000.000	-
- Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HĐQT	30.000.000.000	-

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo thông báo số 825/TB-SGDHN ngày 31/07/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy niêm yết cổ phiếu PIV của Công ty Cổ phần PIV. Theo đó, toàn bộ cổ phiếu mã chứng khoán PIV của Công ty Cổ phần PIV bị hủy niêm yết từ ngày 30/08/2018 theo Quyết định số 486/QĐ-SGDHN ngày 31/07/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**30. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu







Trịnh Tiến Khương

Nguyễn Thị Vân

Nguyễn Thị Phương Thúy